TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TMIỆN** **TỈNH HẢI D**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc L - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HS-ST
Ngày: 25-5-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TMIỆN, TỈNH HẢI D

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **An Văn Khoái**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Đào Đình Phúc**.

Ông **Triệu Duy Tỏi**.

- Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Văn Hùng** - Thư ký Toà án nhân dân huyện TMiện, tỉnh H D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TMiện tham gia phiên toà: Bà **Trần Thị Chinh** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường xét xử huyện TMiện, tỉnh H D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2020/TLST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Hữu G**, sinh ngày 07/9/1965 tại xã TG, huyện TMiện, tỉnh H D; Nơi cư trú: Thôn TS, xã TG, huyện TMiện, tỉnh H D; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu Ao và bà Nguyễn Thị Ật (Đều Đ chết); Có vợ là Nguyễn Thị Là và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/02/2020 đến ngày 22/02/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Hữu Đ**, sinh ngày 30/01/1983 tại xã TG, huyện TMiện, tỉnh H D; Nơi cư trú: Thôn TS, xã TG, huyện TMiện, tỉnh H D; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu Linh và bà Nguyễn Thị Tẩy; Có vợ là Nguyễn Thị Nội và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú có mặt tại phiên tòa.

3. **Lê Đình L**, sinh ngày 06/5/1983 tại xã TG, huyện TMiện, tỉnh H D; Nơi cư trú: Thôn TS, xã TG, huyện TMiện, tỉnh H D; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Đình Chiều và bà Hà Thị An; Có vợ là Ngô Thị Tân và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/02/2020 đến ngày 22/02/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú có mặt tại phiên tòa.

4. **Lê Xuân Kh**, sinh ngày 02/02/1979, tại xã TG, huyện TMiện, tỉnh H D; Nơi cư trú: Thôn TS, xã TG, huyện TMiện, tỉnh H D; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Khắc Lại (Đ chết) và bà Trần Thị Nhâm; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 02/11/2011 bị Công an thành phố H D xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cố ý gây thương tích, nộp phạt ngày 02/11/2011; Ngày 19/3/2012 bị Công an huyện TMiện xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, nộp phạt ngày 19/3/2012.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/02/2020 đến ngày 22/02/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú có mặt tại phiên tòa.

5. **Lê Hữu D**, sinh ngày 06/8/1997 tại xã TG, huyện TMiện, tỉnh H D; Nơi cư trú: Thôn TS, xã TG, huyện TMiện, tỉnh H D; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Không xác định được bố đẻ, con bà Lê Thị Thụy; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/02/2020 đến ngày 22/02/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú có mặt tại phiên tòa.

6. **Lê M H**, sinh ngày 03/01/1981 tại xã TG, huyện TMiện, tỉnh H D; Nơi cư trú: Thôn TS, xã TG, huyện TMiện, tỉnh H D; Nghề nghiệp: Giáo viên; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Hữu Chử và bà Nguyễn Thị Duyên; Có vợ là Vũ Thị Thịnh và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/02/2020 đến ngày 22/02/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú có mặt tại phiên tòa.

7. **Lê Đình T**, sinh ngày 20/4/1985 tại xã TG, huyện TMiện, tỉnh H D; Nơi cư trú: Thôn TS, xã TG, huyện TMiện, tỉnh H D; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Đình Hạnh (Đ chết) và bà Vũ Thị Luyến; Có vợ là Lê Thị Xuất và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 02/3/2016 bị Công an huyện Ninh G xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, nộp tiền ngày 11/3/2016.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/02/2020 đến ngày 22/02/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú có mặt tại phiên tòa.

8. **Lê Đình Tr**, sinh ngày 29/10/1985, tại xã TG, huyện TMiện, tỉnh H D; Nơi cư trú: Thôn TS, xã TG, huyện TMiện, tỉnh H D; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Đình Kiểm (Đ chết) và bà Vũ Thị Thảnh; Có vợ là Hoàng Thị Liên và 03 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/02/2020 đến ngày 22/02/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú có mặt tại phiên tòa.

9. **Lê Văn D**, sinh ngày 04/11/1997, tại xã TG, huyện TMiện, tỉnh H D; Nơi cư trú: Thôn PT2, xã TG, huyện TMiện, tỉnh H D; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn Mạnh và bà Nguyễn Thị Thúy; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/02/2020 đến ngày 22/02/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú có mặt tại phiên tòa.

10. **Lê Đình C**, sinh ngày 22/2/1976 tại xã TG, huyện TMiện, tỉnh H D; Nơi cư trú: Thôn TS, xã TG, huyện TMiện, tỉnh H D; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Đình Thuyết (Đ chết) và bà Đặng Thị Sâm; Có vợ là Vũ Thị Yến và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú có mặt tại phiên tòa.

11. **Nguyễn Khắc M**, sinh ngày 15/11/1990 tại xã TG, huyện TMiện, tỉnh H D; Nơi cư trú: Thôn TS, xã TG, huyện TMiện, tỉnh H D; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Khắc Ngọc và bà Nguyễn Thị Thấm; Có vợ là Vũ Thị Năm và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 16/02/2020, Nguyễn Hữu G, Lê M H, Lê Hữu D và Nguyễn Hữu Đ đi dự đám cưới ở cùng thôn TS, xã TG, huyện TMiện, tỉnh H D. Đến khoảng 13 giờ 15 phút cùng ngày, khi đang ngồi uống nước G nói với H, D và Đ *"Anh em làm tý cho vui"*, ý rủ nhau đánh bạc, được thua bằng tiền; H, D và Đ đồng ý. G, H, D, Đ cùng nhau đến nhà bà Bùi Thị Nhờ, sinh năm 1975 ở cùng thôn, thấy cửa bếp nhà bà Nhờ mở cửa, nhà không có người nên tất cả cùng vào trong bếp, ngồi xuống chiếu Đ trải sẵn dưới nền nhà, G cầm một chiếc bát sứ, 01 đĩa sứ để trên giá đặt xuống chiếu. Đ cầm chiếc kéo cắt 04 quân vị hình tròn từ vỏ bao thuốc lá vinataba và thống nhất đánh bạc theo hình thức xóc đĩa, tỷ lệ trống cửa là 50.000đ, G là người cầm cái. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày có Nguyễn Khắc M, Lê Văn D và Lê Đình C lần lượt đến vào chơi đánh bạc với hình thức và tỷ lệ như trước. Khoảng 14 giờ 30 phút thì Đ, C, M ra về. Sau đó có Lê Xuân Kh, Lê Đình T, Lê Đình Tr và Lê Đình L đến và chơi đánh bạc với

hình thức và tỷ lệ như trên. G, L, T, Tr, H, Kh, D và D T tục đánh bạc đến 15 giờ cùng ngày thì bị lực lượng Công an huyện TMiện bắt quả tang. Thu giữ vật chứng gồm: 01 đĩa sứ, 01 bát sứ; 04 quân vị; 01 kéo bằng kim loại có chuôi bằng nhựa và 01 chiếu cói cũ; thu trên chiếu bạc số tiền 5.500.000đ, thu trên người Lê Đình L 8.900.000đ, Lê Đình T 1.750.000đ, Lê M H 2.000.000đ, Lê Xuân Kh 5.500.000đ, Lê Hữu D 400.000đ và Lê Văn D 300.000đ. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 22.340.000đ.

Quá trình điều tra xác định số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc như sau: Lê Đình L sử dụng 9.000.000đ; Lê Xuân Kh sử dụng 4.500.000đ, Lê Đình T sử dụng 1.800.000đ, Lê Đình Tr sử dụng 1.550.000đ, Lê Văn D sử dụng 1.400.000đ, Lê Hữu D sử dụng 1.100.000đ, Lê Đình C sử dụng 900.000đ, Nguyễn Hữu G sử dụng 890.000đ, Nguyễn Khăc M và Nguyễn Hữu Đ sử dụng 200.000đ, Lê M H có 2.800.000đ sử dụng 800.000đ vào việc đánh bạc.

Tại bản Cáo trạng số: 27/VKS-HS ngày 24 tháng 4 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện TMiện, tỉnh H D truy tố các bị cáo Nguyễn Hữu G, Nguyễn Hữu Đ, Lê Đình L, Lê Xuân Kh, Lê Hữu D, Lê M H, Lê Đình T, Lê Đình Tr, Lê Văn D, Lê Đình C và Nguyễn Khắc M về tội "*Đánh bạc*" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà: Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như Đ nêu ở trên.

Đại diện VKSND huyện TMiện, tỉnh H D thực hành quyền công tố trình bày luận tội giữ nguyên quan điểm như Đ truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- *Về tội danh*: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu G, Nguyễn Hữu Đ, Lê Đình L, Lê Xuân Kh, Lê Hữu D, Lê M H, Lê Đình T, Lê Đình Tr, Lê Văn D, Lê Đình C và Nguyễn Khắc M phạm tội "*Đánh bạc*"

- *Về hình phạt chính*:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58, Điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Hữu G, Lê Đình L và Lê Xuân Kh.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu G từ **15** đến **17** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 34 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Lê Đình L từ **12** đến **15** tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Lê Xuân Kh từ **09** đến **12** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58, Điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Đình T, Lê Đình Tr và Lê Hữu D.

Xử phạt bị cáo Lê Đình T từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ được trừ đi 06 ngày tạm giữ bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được

quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ 10% đến 15% thu nhập/tháng của bị cáo trong thời gian chấp hành án để sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Lê Đình Tr từ 10 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ được trừ đi 06 ngày tạm giữ bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ 10% đến 15% thu nhập/tháng của bị cáo trong thời gian chấp hành án để sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Lê Hữu D từ 10 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ được trừ đi 06 ngày tạm giữ bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ 10% đến 15% thu nhập/tháng của bị cáo trong thời gian chấp hành án để sung quỹ Nhà nước.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58, Điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo: Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Khắc M, Lê M H, Lê Đình C và Lê Văn D. Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự với bị cáo Lê Đình C.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Khắc M, Lê M H, Lê Đình C và Lê Văn D mỗi bị cáo từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ nộp ngân sách nhà nước.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- *Về vật chứng*: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a, c, khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 22.340.000đ (hai mươi hai triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng).

+ Tịch thu cho tiêu hủy: 01 đĩa sứ, 01 bát sứ; 04 quân vị; 01 kéo bằng kim loại có chuôi bằng nhựa màu đỏ và 01 chiếu cói cũ.

+ Trả lại cho các bị cáo Lê M H 2.000.000đ đồng nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

- *Về án phí*: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc các bị cáo G, Đ, L, Kh, T, Tr, D, D, H, C và M mỗi bị cáo pH chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án Đ được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TMiện; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện TMiện; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố Đ thực hiện đúng về Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các

bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng Đ thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 16/02/2020, tại nhà của gia đình bà Bùi Thị Nhờ, sinh năm 1975 ở thôn TS, xã TG, huyện TMiện, tỉnh H D; Nguyễn Hữu G, Lê Đình L, Lê Hữu D, Lê M H, Lê Văn D, Lê Xuân Kh, Lê Đình T, Lê Đình Tr, Nguyễn Khắc M, Lê Đình C và Nguyễn Hữu Đ Đ có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức "Xóc đĩa", đến 15 giờ cùng ngày thì bị lực lượng công an huyện TMiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng. Tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 22.340.000đ.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội Đ xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc là trái phép, sát phạt nhau bằng tiền là trái pháp luật, bị nhà nước cấm nhưng vì mục đích vụ lợi, các bị cáo vẫn cố tình thực hiện với lỗi cố ý trực T. Như vậy, hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội *"Đánh bạc"* tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[4] Xét vị trí, vai trò của từng bị cáo: Trong vụ án này có 11 bị cáo, các bị cáo không hứa hẹn từ trước, các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên cũng cần xem xét vị trí vai trò của từng bị cáo để làm căn cứ quyết định hình phạt.

Bị cáo Nguyễn Hữu G là người rủ rê, khởi xướng và thực hành tích cực nên giữ vai trò chính. Bị cáo Nguyễn Hữu Đ chuẩn bị công cụ phạm tội, bị cáo Lê Đình L có số tiền đánh bạc lớn nhất nên giữ vai trò sau bị cáo G. Các bị cáo Lê Hữu D, Lê M H, Lê Văn D, Lê Xuân Kh, Lê Đình T, Lê Đình Tr, Nguyễn Khắc M và Lê Đình C giữ vai trò đồng phạm.

[5] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều lần đầu phạm tội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Lê Đình C có bố đẻ được tặng thưởng huân chương nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét các bị cáo Nguyễn Hữu G là bị cáo rủ rê, chuẩn bị công cụ phương tiện, Lê Đình L và Lê Xuân Kh có số tiền đánh bạc nhiều nhất, tham gia đánh bạc tích cực nhưng các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Nên chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương kết hợp cùng gia đình giám sát, giáo dục cũng đủ giúp các bị cáo trở thành công dân tốt biết tuân thủ pháp luật.

- Đối với các bị cáo: Lê Đình T, Lê Đình Tr và Lê Hữu D có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng xét thấy chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, giao các bị cáo cho cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục và khấu trừ một phần thu nhập trong thời gian chấp hành án cũng đủ để giúp các bị cáo nhận thức được hành vi sai trái của mình và trở thành một công dân tốt biết tuân thủ pháp luật.

- Đối với các bị cáo: Nguyễn Khắc M, Lê M H, Nguyễn Hữu Đ, Lê Đình C và Lê Văn D có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, số tiền sử dụng vào việc đánh bạc không lớn nên chỉ cần áp dụng hình phạt tiền là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo H, Đ, C, M và D Đ chịu hình phạt tiền là hình phạt chính, các bị cáo còn lại chủ yếu làm nông nghiệp, có điều kiện kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Cơ quan cảnh sát điều tra quản lý và thu giữ số tiền 22.340.000đ là tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên cần tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền của bị cáo: Lê M H 2.000.000đ bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo nhưng cần T tục quản lý để đảm bảo việc thi hành án, sau khi đối trừ, còn lại sẽ trả cho bị cáo, thiếu bị cáo T tục pH nộp bổ sung.

- Đối với vật chứng là: 01 đĩa sứ, 01 bát sứ; 04 quân vị; 01 kéo bằng kim loại có chuôi bằng nhựa màu đỏ và 01 chiếu cói cũ không còn giá trị sử dụng nên tịch thu cho tiêu hủy.

[8] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên pH chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Hữu G, Lê Đình L, Lê Xuân Kh.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58, Điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Đình T, Lê Đình Tr, Lê Hữu D.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58, Điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Khắc M, Nguyễn Hữu Đ, Lê M H và Lê Văn D.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 58, Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Đình C.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a, c, khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Hữu G, Lê Đình L, Lê Hữu D, Lê M H, Lê Văn D, Lê Xuân Kh, Lê Đình T, Lê Đình Tr, Nguyễn Khắc M, Lê Đình C và Nguyễn Hữu Đ phạm tội: *"Đánh bạc"*.

2. Về hình phạt chính:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu G **17** (mười bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **34** (ba mươi tư) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Lê Đình L **15** (mười năm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **30** (ba mươi) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Lê Xuân Kh **12** (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **24** (hai mươi tư) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Lê Đình T **15** tháng cải tạo không giam giữ được trừ đi 06 ngày tạm giữ bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn pH chấp hành **14** tháng **12** ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày UBND xã TG, huyện TMiện, tỉnh H D nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ **15**% thu nhập/tháng của bị cáo trong thời gian chấp hành án để sung quỹ Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Lê Đình Tr **12** tháng cải tạo không giam giữ được trừ đi 06 ngày tạm giữ bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn pH chấp hành **11** tháng **12** ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày UBND xã TG, huyện TMiện, tỉnh H D nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ **15**% thu nhập/tháng của bị cáo trong thời gian chấp hành án để sung quỹ Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Lê Hữu D **12** tháng cải tạo không giam giữ được trừ đi 06 ngày tạm giữ bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn pH chấp hành 11 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày UBND xã TG, huyện TMiện, tỉnh H D nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ **15**% thu nhập/tháng của bị cáo trong thời gian chấp hành án để sung quỹ Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Đ **25.000.000**đ (Hai mươi lăm triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Khắc M **25.000.000**đ (hai mươi lăm triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Lê M H **25.000.000**đ (hai mươi lăm triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Lê Đình C **25.000.000**đ (hai mươi lăm triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn D **25.000.000**đ (hai mươi lăm triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Giao bị các bị cáo: G, L, Kh, T, D và Tr cho UBND xã TG, huyện TMiện, tỉnh H D giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo vi phạm nghĩa vụ của người được hưởng án treo theo Điều 87 Luật thi hành án hình sự thì bị xử lý theo quy định tại Điều 93 Luật thi hành án hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung với các bị cáo.

4. Về vật chứng:

+ Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền **22.340.000**đ (hai mươi hai triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng).

+ Tịch thu cho tiêu hủy: 01 đĩa sứ, 01 bát sứ; 04 quân vị; 01 kéo bằng kim loại có chuôi bằng nhựa màu đỏ và 01 chiếu cói cũ.

+ Trả lại bị cáo Vũ M H 2.000.000đ đồng nhưng bảo thủ để thi hành án.

(*Tình trạng vật chứng như trong biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28/4/2020 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện TMiện và Chi cục Thi hành án dân sự huyện TMiện, tỉnh H D*).

5. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Hữu G, Lê Đình L, Lê Hữu D, Lê M H, Lê Văn D, Lê Xuân Kh, Lê Đình T, Lê Đình Tr, Nguyễn Khắc M, Lê Đình C và Nguyễn Hữu Đ mỗi bị cáo pH chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện TMiện;
- CQCSĐT-Công an huyện TMiện;
- Chi cục THADS huyện TMiện;
- CQTHAHS-Công an tỉnh H D;
- Viện kiểm sát ND tỉnh H D;
- Sở Tư Pháp tỉnh H D;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

An Văn Khoái